

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/DS-ST

Ngày: 27-9-2024

“V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Huy Diệu.

2. Ông Triệu Ngọc Vạn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24, 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2024/TLST-DS ngày 11/7/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐ-ST ngày 19/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐ-ST ngày 06/9/2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2024/QĐST-DS ngày 24/9/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (A); Địa chỉ: Số 2, đường L, phường T, quận B, TP H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn B – Giám đốc A, Chi nhánh huyện N.

Đại diện theo ủy quyền của ông B: Ông Nguyễn Kiên C – Giám đốc PGD T.

Đại diện Ngân hàng vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh H.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Bùi Ngọc T2, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh H.

Ông T, anh T2 đều vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2024 của Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng A) và ý kiến tại các bản tự khai, đại diện nguyên đơn trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng số 141891359/HĐTD ngày 12/03/2009 đã ký kết giữa A Chi nhánh huyện N- PGD T và ông Bùi Văn T, anh Bùi Ngọc T2; Ngân

hàng A Chi nhánh huyện N - PGD T cho ông Bùi Văn T vay số tiền gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn); dư nợ hiện tại: 147.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu đồng); mục đích vay vốn: Mua máy xẻ gỗ loại CD, đóng đồ mộc dân dụng; Lãi suất cho vay tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là 10.5%/năm và áp dụng mức lãi suất biến đổi theo quy định của Ngân hàng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; thời hạn cho vay là 12 tháng; Hạn trả nợ cuối cùng ngày 10/03/2010; trả lãi tiền vay theo gốc; việc cho vay không bảo đảm theo quy định.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng đã ký, Ngân hàng A – Chi nhánh huyện N – PGD T đã giải ngân cho ông Bùi Văn T số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 10.5%, ngày vay 12/3/2009, hạn trả nợ ngày 10/3/2010. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ông T mới trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện N – PGD T số tiền 3.000.000 đồng tiền gốc và 30.010.417 đồng tiền lãi.

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng A – Chi nhánh huyện N – PGD T đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu ông Bùi Văn T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo Hợp đồng tín dụng số 141891359/HĐTD ngày 12/03/2009. Tính đến nay, ông Bùi Văn T mới trả được số tiền gốc là 3.000.000 đồng và tiền lãi là 30.010.417 đồng. Ông Bùi Văn T không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho A, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với A, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của A.

Ngân hàng A đề nghị Tòa án buộc ông Bùi Văn T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 27/9/2024 (ngày xét xử) là: 368.056.503 đồng; trong đó: Dư nợ gốc: 147.000.000 đồng; Nợ lãi là: 221.056.503 đồng. Đồng thời buộc Ông T phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 141891359/HĐTD ngày 12/09/2009, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án quyết định cho đến ngày thực tế ông Bùi Văn T trả hết nợ gốc cho Ngân hàng A.

Bị đơn ông Bùi Văn T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Bùi Ngọc T2 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh với chính quyền địa phương là UBND xã H, Công an xã H xác định: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1970 và anh Bùi Ngọc T2, sinh năm 1992 vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 9, Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh H. Hiện hộ gia đình Ông T thường xuyên đi làm ăn xa, không có mặt ở địa phương.

Tại Công văn số 2029/QLXNC ngày 23/9/2024 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh – Công an tỉnh Hải Dương xác định không có thông tin xuất cảnh của ông Bùi Văn T, anh Bùi Ngọc T2.

Tại phiên tòa: Đại diện VKSND huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 103, 280, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 228 BLTTDS; khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng 2024; Điều 6, 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NĐ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, buộc ông Bùi Văn T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 27/09/2024 (ngày xét xử) là 368.056.503 đồng, trong đó nợ gốc: 147.000.000 đồng; nợ lãi: 221.056.503 đồng, ông T phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 141891359 ngày 12/03/2009, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án cho đến ngày thực tế ông Bùi Văn T trả hết nợ gốc cho A. Do thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng A, ông T là chủ hộ gia đình gồm có ông T và con trai ông là anh T2, tuy nhiên việc vay nợ được thực hiện vì mục đích của cá nhân ông T (thực hiện dự án sản xuất kinh doanh) nên anh T2 không có trách nhiệm đối với khoản vay nợ của ông T.

- Án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A được chấp nhận nên bị đơn là ông Bùi Văn T phải chịu án phí, số tiền án phí ông phải chịu là: $368.056.503 \times 5\% = 18.402.825$ đồng (đã làm tròn). Trả lại cho ông Nguyễn Văn B - Đại diện Ngân hàng A Chi nhánh huyện N số tiền tạm ứng án phí: 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng A có đơn khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn T, anh Bùi Ngọc T2 thanh toán tiền vay do vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng, Ông T và anh T2 đều cư trú tại Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh H nên HĐXX xác định đây là vụ án “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 40 BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập theo quy định của pháp luật tuy nhiên ông Bùi Văn T, anh Bùi Ngọc T2 đều vắng mặt không có lý do, cũng như không có ý kiến, quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Căn cứ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp của Ông T, anh T2 được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt lần thứ hai không có lý do; Người đại diện của Nguyên đơn Ngân hàng A vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào các

Điều 227, 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 15/9/2022, Ngân hàng A đã tiến hành làm việc với anh Bùi Văn T về việc thông báo yêu cầu trả nợ, các bên đã ký kết xác nhận số nợ gốc và nợ lãi nên căn cứ quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự, HĐXX xác định vụ án dân sự còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Dân sự, Điều 184, 185 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Theo Hợp đồng tín dụng số 141891359/HĐTD ngày 12/03/2009, Ngân hàng A cho hộ gia đình ông Bùi Văn T vay số tiền gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn); mục đích vay vốn: Mua máy xẻ gỗ loại CD, đóng đồ mộc dân dụng; Lãi suất cho vay tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là 10.5%/năm và áp dụng mức lãi suất biến đổi theo quy định của Ngân hàng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; thời hạn cho vay: 12 tháng; Hạn trả nợ cuối cùng ngày 10/03/2010; trả lãi tiền vay theo gốc; việc cho vay không bảo đảm theo quy định. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ông T mới trả cho Ngân hàng A số tiền 3.000.000 đồng và 30.010.417 đồng tiền lãi. Tính đến hết ngày 27/9/2024 (ngày xét xử), ông Bùi Văn T đang nợ quá hạn tại Ngân hàng A Chi nhánh huyện N-PGD T là: 368.056.503 đồng; trong đó: Dư nợ gốc: 147.000.000 đồng; Nợ lãi là: 221.056.503 đồng.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy hợp đồng nêu trên đã được các bên giao kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 100, khoản 2 Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng 2024; Điều 116, 117, 688 Bộ luật Dân sự nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Bùi Văn T chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, vi phạm Hợp đồng nên Ngân hàng A yêu cầu Tòa án buộc ông Bùi Văn T phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên và phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 40; Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 116, 117, 280, 357, 466, 468, 688 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, khoản 2 Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng 2024; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 04/2017/HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 01/2019/NĐ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (A).

Buộc bị đơn ông Bùi Văn T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng N (A), tổng số tiền nợ tính hết ngày 27/9/2024 (*ngày xét xử*) là: **368.056.503** đồng (*ba trăm sáu mươi tám triệu, không trăm năm mươi sáu ngàn, năm trăm linh ba đồng*); trong đó: Dư nợ gốc: 147.000.000 đồng; Nợ lãi là: **221.056.503** đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Bùi Văn T còn phải có nghĩa vụ chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 141891359/HĐTD ngày 12/03/2009, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. **Về án phí:** Ông Bùi Văn T phải chịu **18.403.000** đồng (đã làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm;

Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng N (A) số tiền 5.000.000 đồng đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0003625 ngày 11/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

3. **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Tuấn